



Original Article

Developing an Archetypal Framework for the Inno-preneurial University: A Strategic Model for Vietnam

Nguyen Huu Thanh Chung^{1,*}, Dang Thi Thu Huong¹,
Tran Thi Thanh Tu², Nguyen Huu Duc^{2,3}

¹*VNU University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyen Trai, Hanoi, Vietnam*

²*Vietnam National University, Hanoi, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

³*UPM Innovation Institute, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 29th October 2025

Revised 03rd December 2025; Accepted 08th December 2025

Abstract: Higher education is undergoing a profound transformation driven by the knowledge economy, digitalization, and the demand for sustainable development. Traditional university models are increasingly inadequate in addressing these emerging requirements. This study systematizes the evolution of contemporary university models and develops a theoretical framework consisting of seven archetypes of entrepreneurial and innovation-oriented universities: the Research-preneurial, Techni-preneurial, Inno-preneurial, Commerce-preneurial, Socio-preneurial, Sustainable-preneurial, and Digital-preneurial University. Through international comparison, theoretical analysis, and an examination of Vietnam's higher education context, the study evaluates the suitability of each archetype and determines the most viable strategic direction for Vietnam. Findings show that several archetypes are not feasible for broad implementation in Vietnam due to substantial resource demands or high levels of specialization. The analysis identifies the Inno-preneurial University as the most appropriate model, given its capacity to integrate interdisciplinary research, innovation, knowledge transfer, digital transformation, social entrepreneurship, and sustainability—key priorities in national development strategies. The study further emphasizes that adopting this model requires comprehensive reforms in governance, financing, organizational structures, innovation culture, and university–industry–community partnerships. The Inno-preneurial University thus offers a strategic pathway for enhancing the role of Vietnamese universities in socioeconomic development and global scientific competitiveness.

Keywords: Inno-preneurial University; Entrepreneurial University; Elite University; Flagship University; University Archetypes.

* Corresponding author.

E-mail address: chungnht@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4595>

Xây dựng nguyên mẫu mô hình Đại học khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Lựa chọn chiến lược cho Việt Nam

Nguyễn Hữu Thành Chung^{1,*}, Đặng Thị Thu Hương¹,
Trần Thị Thanh Tú², Nguyễn Hữu Đức^{2,3}

¹*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Hà Nội, Việt Nam*

²*Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

³*Viện Đổi mới sáng tạo UPM, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 29 tháng 10 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 03 tháng 12 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 08 tháng 12 năm 2025

Tóm tắt: Giáo dục đại học toàn cầu đang chuyển dịch mạnh mẽ dưới tác động của kinh tế tri thức, chuyển đổi số và yêu cầu phát triển bền vững, khiến các mô hình đại học truyền thống bộc lộ nhiều hạn chế. Nghiên cứu này hệ thống hóa quá trình tiến hóa của các mô hình đại học hiện đại và xây dựng khung lý thuyết gồm bảy nguyên mẫu đại học khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: khởi nghiệp nghiên cứu, khởi nghiệp công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp - thương mại hóa, khởi nghiệp xã hội, khởi nghiệp bền vững và khởi nghiệp số. Thông qua phân tích lý thuyết, đối sánh quốc tế và đánh giá bối cảnh Việt Nam, nghiên cứu xem xét tính phù hợp của từng nguyên mẫu nhằm xác định mô hình ưu tiên cho giai đoạn phát triển hiện nay. Kết quả cho thấy nhiều nguyên mẫu chưa thể áp dụng rộng rãi tại Việt Nam do yêu cầu nguồn lực cao, mức độ chuyên biệt lớn hoặc chưa tương thích với cấu trúc của hệ thống đại học. Trên cơ sở đó, nghiên cứu khẳng định đại học khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Inno-preneurial University) là mô hình khả thi nhất nhờ khả năng tích hợp linh hoạt các yếu tố nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển giao tri thức, chuyển đổi số, khởi nghiệp xã hội và phát triển bền vững. Để hiện thực hóa mô hình này, các trường đại học Việt Nam cần đổi mới toàn diện về quản trị, tài chính, tổ chức, văn hóa sáng tạo và liên kết với doanh nghiệp, địa phương và cộng đồng. Do vậy, đại học khởi nghiệp đổi mới sáng tạo không chỉ phù hợp với bối cảnh hiện tại mà còn là định hướng chiến lược giúp nâng cao đóng góp của đại học Việt Nam vào phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập khoa học - công nghệ.

Từ khóa: Đại học khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Đại học khởi nghiệp; Đại học tinh hoa; Đại học dẫn dắt hệ thống; Nguyên mẫu mô hình đại học.

1. Mở đầu

Các cơ sở giáo dục đại học từ lâu đã là trụ cột của sáng tạo tri thức, phổ biến tri thức và thúc đẩy tiến bộ xã hội. Tuy nhiên, trong thời đại mà

khả năng cạnh tranh kinh tế và chuyển đổi xã hội được thúc đẩy bởi đổi mới sáng tạo (ĐMST) và tinh thần khởi nghiệp, các mô hình đại học truyền thống - chỉ tập trung vào giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng - không còn

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: chungnht@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4595>

đủ đáp ứng nhu cầu [1, 2]. Bối cảnh đang phát triển này đòi hỏi một mô hình mới – liên quan đến đại học khởi nghiệp (Entrepreneurial University) hoặc đại học ĐMST (Innovative University) - một mô hình chuyển đổi tích hợp các nguyên tắc khởi nghiệp và ĐMST để đảm bảo các trường đại học tiếp tục đóng góp năng động cho nền kinh tế tri thức [3]. Trong thập niên gần đây, bối cảnh phát triển của giáo dục đại học toàn cầu còn thay đổi sâu sắc dưới tác động của chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khoa học dữ liệu, ĐMST và những đòi hỏi mới của phát triển kinh tế - xã hội. Các quốc gia đi đầu về khoa học – công nghệ đang chuyển từ mô hình đại học nghiên cứu truyền thống sang những mô hình có tính tích hợp, linh hoạt và định hướng giá trị hơn.

Ở Việt Nam, các chính sách lớn như Nghị quyết 57-NQ/TW về phát triển đột phá khoa học công nghệ, ĐMST và chuyển đổi số, Luật Khoa học, Công nghệ và ĐMST (2025), Nghị quyết 71-NQ/TW về phát triển đột phá giáo dục đào tạo (2025), cùng các chương trình chuyển đổi số quốc gia đã đặt ra yêu cầu tái cấu trúc đại học theo hướng “ĐMST toàn diện”, khuyến khích phát triển “đại học ĐMST” và “đại học công nghệ thế hệ mới”. Tuy nhiên, các mô hình đại học được đề xuất thời gian qua vẫn còn thiên về mô tả cấu trúc hành chính, thiếu cơ sở lý luận để chứng minh tính độc lập, tính hệ thống, và mối liên hệ nội sinh với hệ sinh thái ĐMST quốc gia. Việc thiếu nền tảng lý luận khiến mô hình này dễ rơi vào tình trạng duy ý chí hoặc khái niệm hình thức.

Đồng thời, tại Việt Nam, đại học đang chuyển dịch sang tự chủ toàn diện, kết nối mạnh mẽ với doanh nghiệp, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, và tham gia vào các chuỗi giá trị ĐMST. Ở cấp vĩ mô, việc xác định mô hình đại học phù hợp nhất với bối cảnh quốc gia, cân bằng giữa năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học, ĐMST với tác động xã hội, chuyển giao công nghệ, phát triển bền vững và chuyển đổi số có nhu cầu cấp thiết.

Trong bối cảnh đó, nghiên cứu này nhằm ba mục tiêu chính:

i) Hệ thống hóa tiến trình phát triển các mô hình đại học hiện đại, nhấn mạnh xu thế chuyển

dịch từ đại học nghiên cứu và đại học ứng dụng sang các mô hình khởi nghiệp ĐMST có tác động xã hội và dẫn dắt sự phát triển;

ii) Xây dựng khung lý thuyết các nguyên mẫu (archetypes) đại học khởi nghiệp ĐMST, dựa trên hệ thống hóa bảy nguyên mẫu: Đại học khởi nghiệp nghiên cứu (Research-preneurial University), Đại học khởi nghiệp công nghệ (Techni-preneurial University), Đại học khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Inno-preneurial University), Đại học khởi nghiệp thương mại hóa (Commerce-preneurial University), Đại học khởi nghiệp xã hội (Socio-preneurial University), Đại học khởi nghiệp bền vững (Sustainable-preneurial University), Đại học khởi nghiệp số (Digital-preneurial University);

iii) Đề xuất mô hình Đại học khởi nghiệp ĐMST (Inno-preneurial University) như lựa chọn ưu tiên cho Đại học Quốc gia Hà Nội và các đại học tinh hoa của Việt Nam, dựa trên phân tích liên ngành, yêu cầu phát triển bền vững, nhu cầu chuyển đổi số, tác động xã hội và định hướng chính sách quốc gia.

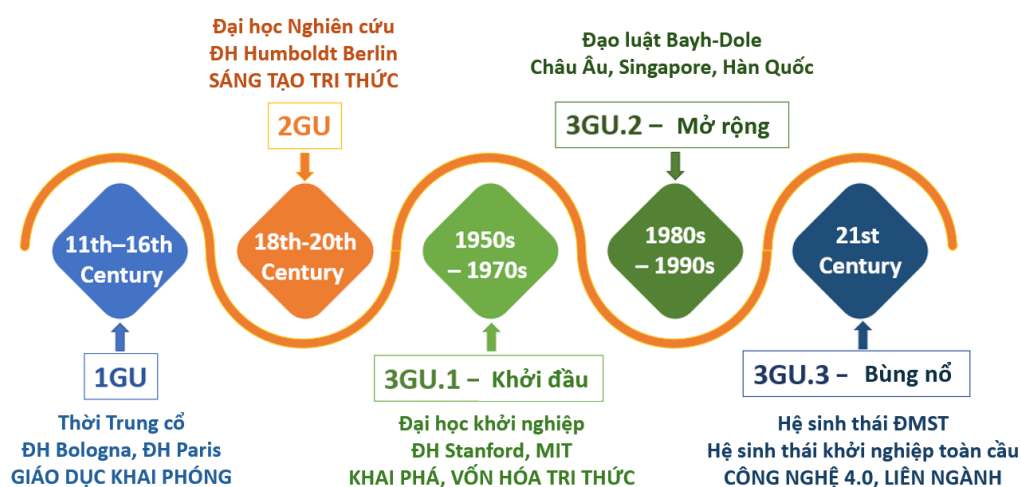
2. Tiến trình phát triển các mô hình đại học hiện đại

Lịch sử phát triển đại học thế giới đã định hình vai trò của của giáo dục qua các thời kỳ (Hình 1). Trong thời kỳ Trung cổ (thế kỷ 11-16), các đại học Bologna (1088) và đại học Paris (1150) tập trung vào các lĩnh vực triết học, thần học và luật học dưới sự bảo trợ của tôn giáo và nhà nước. Đại học Humboldt (thế kỷ 19), được thành lập bởi Wilhelm von Humboldt, nhấn mạnh sự kết hợp giữa giảng dạy và nghiên cứu, tự do học thuật và nghiên cứu độc lập [3, 4]. Sau các cuộc Cách mạng công nghiệp (cuối thế kỷ 19 đến thế kỷ 20), các trường đại học như MIT (1861) và ETH Zurich (1855) đã cơ cấu lại chương trình giảng dạy để phù hợp với các ưu tiên phát triển kinh tế và công nghệ. Sự mở rộng giáo dục đại học sau chiến tranh thế giới lần thứ 2 càng củng cố các trường đại học như động lực của tăng trưởng kinh tế, đặc biệt thông qua các chính sách thúc đẩy hợp tác giữa đại học và công nghiệp. Đạo luật Bayh-Dole (1980, Hoa Kỳ)

đánh dấu một bước ngoặt bằng cách cho phép các trường đại học giữ quyền sở hữu các nghiên cứu được tài trợ công, thúc đẩy thương mại hóa học thuật và làm nổi bật mô hình đại học khởi nghiệp [5-7].

Đại học khởi nghiệp thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong các bên liên quan, hỗ trợ khai thác tri thức, và nhấn mạnh việc tạo ra các công ty khởi nghiệp và chuyển giao công nghệ [8-11]. Trong khi đó, đại học ĐMST ưu tiên nghiên cứu liên ngành, giải quyết vấn đề và tác động xã hội.

Nó thể hiện tư duy khởi nghiệp, tham gia vào chuyển giao tri thức, thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ với doanh nghiệp, và là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội của vùng và quốc gia [7, 12]. Nhận thức được nhu cầu chuyển đổi trên, một số tổ chức như Ủy ban Châu Âu và OECD,... đã phát triển các tiêu chuẩn quốc tế như HEInnovate để cung cấp hướng dẫn việc xây dựng chiến lược cho các trường đại học nhằm nâng cao tinh thần khởi nghiệp và ĐMST [1, 13, 14].



Hình 1. Lịch sử phát triển của các đại học từ thế hệ đầu tiên (1GU) đến thế hệ thứ ba (3GU) của các đại học khởi nghiệp và ĐMST.

Mặc dù có những điểm mạnh, cả hai mô hình đều có những hạn chế. Đại học khởi nghiệp thường ưu tiên thương mại hóa hơn nghiên cứu cơ bản và tự do học thuật. Định hướng như vậy có thể làm giảm vai trò của các lĩnh vực khoa học có tiềm năng thương mại thấp, như khoa học xã hội và nhân văn nhân văn và các khoa học cơ bản thuần túy khác, đồng thời cũng gây ra những lo ngại về đạo đức liên quan đến tư bản hóa học thuật [15]. Các rào cản về tài chính càng thách thức các trường đại học ở các quốc gia đang phát triển [11, 16]. Ngược lại, đại học ĐMST xuất sắc trong việc nghiên cứu tạo ra tri thức và dẫn dắt xã hội nhưng thiếu cơ chế thương mại hóa hiệu quả. Sự phụ thuộc vào nguồn tài trợ chính phủ làm cho đại học ĐMST khó khăn về mặt tài chính, đồng thời sự thiếu hiệu quả trong bộ máy

hành chính cũng đã cản trở sự hợp tác liên ngành và ứng dụng vào thực tế của nghiên cứu [17, 18].

Để khắc phục những hạn chế này, đại học khởi nghiệp ĐMST (Inno-preneurial University) nổi lên như một mô hình tích hợp, kết hợp điểm mạnh của cả hai mô hình. Nó đảm bảo rằng ĐMST dựa trên nghiên cứu được thương mại hóa hiệu quả trong khi vẫn duy trì sự nghiêm túc học thuật. Bằng cách tích hợp các hợp tác liên ngành, tham gia thị trường, và đa dạng hóa tài chính, đại học ĐMST nâng cao khả năng của các trường đại học trong việc giải quyết các thách thức toàn cầu. Mô hình này thúc đẩy một hệ thống giáo dục hướng tới tương lai, trang bị cho người học các kỹ năng khởi nghiệp và giải quyết vấn đề cần thiết cho CMCN lần thứ tư. Hơn cả những nhà sáng tạo tri thức, đại học Inno-

preneurial đóng vai trò là động lực của sự phát triển kinh tế và xã hội.

3. Hệ thống hóa các mô hình đại học

Sự thay đổi về vai trò, sứ mệnh và yêu cầu xã hội đối với giáo dục đại học đã dẫn đến sự tiến hóa của nhiều mô hình đại học trên thế giới. Các mô hình này có thể được phân loại dựa trên sứ mạng và chức năng chủ yếu; mô hình quản trị và tài trợ; mô hình cấu trúc; phương thức đào tạo; mô hình giáo dục, và các mô hình mới nổi,... Theo phân loại sứ mệnh và chức năng, các mô hình đại học định hướng ứng dụng (Applied University), đại học định hướng giảng dạy (Teaching University), đại học nghiên cứu (Research University), đại học khởi nghiệp (Entrepreneurial University) và đại học ĐMST (Innovative University) thường là những mô hình chính, được áp dụng ở nhiều quốc gia.

Bảng 1 trình bày phân tích và so sánh năm mô hình đại học đã nêu, xem xét theo chức năng chính, mục tiêu, đặc điểm, vai trò xã hội và những hạn chế của chúng. Mỗi mô hình đại học phục vụ một mục đích ưu tiên, với những điểm mạnh và nét độc đáo riêng. Việc phân loại các trường đại học cung cấp một khung cấu trúc để hiểu vai trò, mục tiêu và đóng góp của chúng cho xã hội.

3.1. Đại học định hướng giảng dạy: Nền tảng của giáo dục đại học

Đại học định hướng giảng dạy chủ yếu tập trung vào giảng dạy và truyền thụ các tri thức sẵn có. Mục tiêu chính là cung cấp trải nghiệm giảng dạy và học tập chất lượng cao, thường nhấn mạnh việc phát triển các kỹ năng thực hành và tri thức mà sinh viên có thể áp dụng trong sự nghiệp tương lai. Các đại học định hướng giảng dạy có thể không ưu tiên nghiên cứu nhiều như các loại hình tổ chức khác mà chỉ là các nghiên cứu phục vụ giảng dạy [19].

Trong xã hội, các đại học giảng dạy đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng tiếp cận giáo dục đại học và chuẩn bị chuyên gia trong nhiều lĩnh vực. Các đại học này đóng góp đáng kể vào

phát triển lực lượng lao động, đảm bảo sinh viên tốt nghiệp có năng lực trong các ngành học tương ứng. Tuy nhiên, số lượng nghiên cứu hạn chế làm giảm khả năng đóng góp vào tiến bộ khoa học và ĐMST. Hơn nữa, sự thiếu hợp tác mạnh mẽ với doanh nghiệp có nghĩa là sinh viên có thể không có đủ tiếp xúc với các ứng dụng thực tế, khiến việc chuyển đổi kiến thức trực tiếp vào các vai trò theo định hướng công nghiệp trở nên khó khăn.

Có thể lấy ví dụ về mô hình đại học này là California State University, Chico (CSU Chico). Đây là loại hình đào tạo công lập được biết đến là hệ thống đại học định hướng giảng dạy lớn nhất nước Mỹ, chú trọng giảng dạy cho cộng đồng địa phương. Nghiên cứu mang tính hỗ trợ học tập và phục vụ cộng đồng hơn là tạo sản phẩm học thuật hàn lâm. Mỗi năm chỉ công bố khoảng 250 bài báo trong hệ thống Scopus.

3.2. Đại học nghiên cứu: Thúc đẩy tri thức khoa học và công nghệ

Đại học nghiên cứu là một tổ chức đặt trọng tâm mạnh mẽ vào các hoạt động nghiên cứu song song với đào tạo sau đại học. Các đại học này tham gia vào việc tạo ra và phổ biến tri thức mới, thường đóng góp đáng kể vào tiến bộ khoa học và công nghệ. Đại học nghiên cứu đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo các nhà lãnh đạo và chuyên gia tương lai, và là một phần không thể thiếu của nền kinh tế tri thức toàn cầu [20].

Đại học nghiên cứu đóng vai trò là trung tâm cho khám phá khoa học và tạo ra tri thức. Họ tập trung vào việc thực hiện nghiên cứu tiên tiến, mở rộng ranh giới hiểu biết của con người trong nhiều ngành học khác nhau. Các cơ sở giáo dục này phát triển mạnh mẽ các chương trình đào tạo sau đại học và thu hút nhiều tài trợ nghiên cứu, cho phép giảng viên và sinh viên tham gia vào các nghiên cứu tiên phong. Khác với đại học định hướng giảng dạy, đại học nghiên cứu có sứ mệnh kép cả về giáo dục và nghiên cứu, đảm bảo tài trợ nghiên cứu và tạo điều kiện cho giảng viên tích cực tham gia vào nghiên cứu và xuất bản các ấn phẩm học thuật, hướng dẫn sinh viên sau đại học.

Đóng góp của đại học nghiên cứu vượt ra ngoài phạm vi học thuật, ảnh hưởng đến các

ngành công nghiệp, tiến bộ công nghệ và chính sách công. Nhiều khám phá mang tính đột phá trong y học, công nghệ kỹ thuật và khoa học máy tính xuất phát từ các tổ chức này, tác động đến ĐMST và phát triển toàn cầu. Tuy nhiên, chi phí duy trì cơ sở hạ tầng nghiên cứu khá cao, dẫn đến học phí cao và chi phí nghiên cứu lớn. Điều này làm cho đại học nghiên cứu ít thu hút số sinh viên ưu tiên việc làm hơn học thuật. Ngoài ra, đại học nghiên cứu thường tập trung vào tri thức cơ bản, nên có thể tạo ra khoảng cách nhất định giữa những phát minh học thuật và ứng dụng thực tế trong doanh nghiệp.

Mặc dù có những thách thức này, đại học nghiên cứu thường đứng đầu về sự xuất sắc học thuật và tiến bộ công nghệ. Đó là thành tố thiết yếu để đào tạo thế hệ kế tiếp cho đội ngũ các nhà khoa học, công nghệ và các nhà lãnh đạo tư tưởng, những người thúc đẩy ĐMST trong nhiều lĩnh vực. Với khả năng thu hút nhân tài toàn cầu và năng lực đảm bảo tài trợ, các đại học nghiên cứu trở thành trung tâm của các sáng tạo quốc gia và quốc tế.

Cái nôi của đại học nghiên cứu của thế giới là đại học Humboldt-Universität zu Berlin (Đức), được thành lập năm 1810 bởi Wilhelm von Humboldt và có ảnh hưởng sâu rộng đến toàn châu Âu và cả Mỹ. Wilhelm von Humboldt tin rằng: “Giáo dục đại học không phải chỉ để truyền đạt tri thức có sẵn, mà là nơi thúc đẩy người học sáng tạo ra tri thức mới thông qua nghiên cứu khoa học độc lập.” Có thể nêu thêm tên các trường đại học nghiên cứu điển hình của Hoa Kỳ như đại học Johns Hopkins, đại học Chicago, Princeton University,... trong đó đại học Johns Hopkins là đại học đầu tiên của Hoa Kỳ được thành lập theo mô hình đại học Humboldt.

3.3. Đại học định hướng ứng dụng: Cầu nối giữa học thuật và công nghiệp

Đại học định hướng ứng dụng là mô hình thường được triển khai ở châu Âu (Đức, Hà Lan, Phần Lan,...). Các trường hợp điển hình là: HSRW – Rhine-Waal University of Applied Sciences (Đức), Amsterdam University of Applied

Sciences (AUAS - Hà Lan), Haaga-Helia University of Applied Sciences (Phần Lan).

HSRW có sứ mạng nhấn mạnh vào giáo dục định hướng ứng dụng, gắn liền với nhu cầu của thị trường lao động. Các chương trình học có thời gian thực tập công nghiệp bắt buộc, dự án thực tiễn, hợp tác doanh nghiệp. AUAS - Hà Lan có quy mô đào tạo khoảng 45.000 sinh viên, tập trung vào các chuyên ngành kinh doanh, công nghệ, truyền thông, logistics. Giảng viên và sinh viên cùng làm việc với doanh nghiệp thực tế để giải quyết vấn đề cụ thể trong sản xuất và dịch vụ, không tập trung vào nghiên cứu hàn lâm, mà là “practice-based research” (nghiên cứu dựa trên thực hành, gắn trực tiếp với bối cảnh nghề nghiệp).

Đại học ứng dụng khác với các đại học nghiên cứu truyền thống ở chỗ ưu tiên đào tạo thực hành và dạy nghề. Mục tiêu chính của họ là trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghề cụ thể, phù hợp các chương trình đào tạo gắn với nhu cầu công nghiệp. Các trường đại học này duy trì mối quan hệ đối tác chặt chẽ với doanh nghiệp, đảm bảo rằng chương trình giảng dạy phù hợp với nhu cầu lực lượng lao động đang phát triển. Đào tạo thực hành, thực tập và cơ hội học tập từ trải nghiệm là những nội dung cơ bản của đại học ứng dụng, giúp sinh viên tốt nghiệp có khả năng có việc làm cao [21].

Các trường đại học này đóng vai trò quan trọng trong phát triển lực lượng lao động, đặc biệt là trong các lĩnh vực kỹ thuật và kinh tế như kỹ thuật công nghiệp, y tế và quản lý kinh doanh,... Bằng cách hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp, họ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển tiếp từ giáo dục đến việc làm, thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo lý thuyết và kỹ năng trong thị trường lao động. Tuy nhiên, đại học ứng dụng thường đối mặt với những thách thức liên quan đến uy tín và công nhận học thuật. Thường thì người học tốt nghiệp các trường đại học khoa học ứng dụng ở Đức và Hà Lan, mặc dù có thời gian học tập dài hơn ở các trường đại học khác, không được tiếp tục học lên các bậc cao hơn. Sinh viên ở các trường này tập trung nhiều vào học tập dựa trên kỹ năng hơn là kiến thức và nghiên cứu cơ bản. Hoạt động nghiên

cứu của họ thường bị hạn chế, điều này có thể làm giảm cơ hội và khả năng thu hút các khoản tài trợ về học thuật.

Mặc dù có những hạn chế này, đại học ứng dụng đóng một vai trò quan trọng trong các hệ thống giáo dục ưu tiên cho việc chuẩn bị sự sẵn sàng của lực lượng lao động. Họ cung cấp cho

sinh viên các kỹ năng cần thiết để thành công trong các doanh nghiệp năng động, đảm bảo rằng sinh viên tốt nghiệp được chuẩn bị cho việc làm ngay lập tức. Việc nhấn mạnh vào sự hợp tác với doanh nghiệp, củng cố mối liên hệ với nền kinh tế và hỗ trợ phát triển quốc gia bằng cách tạo ra một lực lượng lao động có kỹ năng.

Bảng 1. Phân loại và so sánh các mô hình đại học theo sứ mạng và chức năng

Loại hình	Trọng tâm	Mục tiêu	Các đặc trưng	Vai trò	Hạn chế
Đại học định hướng giảng dạy	Giảng dạy truyền đạt các tri thức sẵn có	Truyền đạt tri thức và kỹ năng	- Tập trung vào giảng dạy bậc đại học. - Chương trình đào tạo đa dạng. - Ít tập trung vào nghiên cứu.	Chuẩn bị nền tảng lý thuyết và kỹ năng thực hành vững chắc cho sinh viên trong nhiều ngành nghề.	Sản phẩm nghiên cứu hạn chế, ít hợp tác với doanh nghiệp.
Đại học nghiên cứu	Nghiên cứu và tạo ra tri thức	Thực hiện nghiên cứu tiên tiến	- Đào tạo sau đại học mạnh. - Được tài trợ nghiên cứu lớn. - Giảng viên kết hợp giảng dạy và nghiên cứu.	Thúc đẩy tiến bộ khoa học, nâng cao chất lượng học thuật, đóng góp cho ngành công nghiệp dựa trên ĐMST.	Học phí cao, chi phí nghiên cứu lớn, ít phù hợp với sinh viên muốn tập trung vào việc làm ngay sau tốt nghiệp.
Đại học định hướng ứng dụng	Đào tạo thực hành và giải quyết vấn đề	Đảm bảo đầu ra gắn với các nghề cụ thể	- Chương trình đào tạo theo nhu cầu ngành. - Đào tạo thực hành & thực tập. - Hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp.	Đào tạo nhân lực có kỹ năng sẵn sàng làm việc, thu hẹp khoảng cách giữa học thuật và thực tế ngành nghề.	Hạn chế nghiên cứu lý thuyết, ít có danh tiếng cao trong học thuật.
Đại học khởi nghiệp	Khởi nghiệp và ĐMST	Phát triển kỹ năng khởi nghiệp và tạo giá trị kinh tế	- Tích hợp khởi nghiệp vào giảng dạy và nghiên cứu. - Hỗ trợ startup và spin-off. - Hợp tác với doanh nghiệp và chính phủ trong chuyển giao tri thức.	Đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế khu vực và quốc gia thông qua hệ sinh thái khởi nghiệp.	Nguy cơ thương mại hóa làm ảnh hưởng đến tính học thuật, có thể bỏ quên nghiên cứu cơ bản.
Đại học ĐMST	ĐMST & định hướng sự phát triển	Giải quyết thách thức xã hội thông qua chuyển giao tri thức & công nghệ.	- Khuyến khích nghiên cứu liên ngành. - Tập trung phát triển công nghệ & quy trình mới. - Hợp tác mạnh với chính phủ, doanh nghiệp.	Thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội thông qua ĐMST và chuyển giao tri thức.	Độ rủi ro cao, phụ thuộc vào nguồn tài trợ và đối tác bên ngoài, khả năng thương mại ngay lập tức có thể thấp.

3.4. Đại học khởi nghiệp: Nhân tố chính trong phát triển kinh tế khu vực và quốc gia

Đại học khởi nghiệp tích hợp vai trò học thuật truyền thống với các hoạt động khởi nghiệp. Các tổ chức này hỗ trợ việc tạo ra và khai thác tri thức thông qua đào tạo, nghiên cứu học thuật và tinh thần khởi nghiệp. Đại học khởi nghiệp thúc đẩy ĐMST và phát triển kinh tế bằng cách khuyến khích giảng viên và sinh viên tham gia vào các dự án khởi nghiệp, chuyển giao công nghệ và tạo ra các công ty khởi nghiệp [11, 22].

Đại học khởi nghiệp tích hợp tinh thần khởi nghiệp và phát triển kinh doanh vào khuôn khổ học thuật của trường. Trọng tâm chính là thúc đẩy kỹ năng khởi nghiệp và tạo ra giá trị kinh tế thông qua ươm tạo khởi nghiệp và thương mại hóa nghiên cứu. Các tổ chức này hỗ trợ giảng viên và sinh viên phát triển các dự án kinh doanh, thường dẫn đến việc tạo ra các công ty spin-off, bằng sáng chế và quan hệ đối tác với doanh nghiệp.

Với vai trò là nhân tố chính trong tăng trưởng kinh tế khu vực và quốc gia, đại học khởi nghiệp là cầu nối giữa học thuật và môi trường kinh doanh bằng cách tạo điều kiện chuyển giao tri thức và ứng dụng thương mại của nghiên cứu. Trường đại học khởi nghiệp duy trì sự hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp, chính phủ và các công ty đầu tư mạo hiểm, đảm bảo rằng kết quả nghiên cứu được chuyển thành sản phẩm và dịch vụ có thể tiếp cận thị trường. Các tổ chức này đóng góp vào khả năng phục hồi kinh tế bằng cách trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết cho việc khởi nghiệp và quản lý doanh nghiệp.

Tuy nhiên, khía cạnh thương mại hóa của đại học khởi nghiệp mang lại những rủi ro nhất định. Việc nhấn mạnh vào tạo ra doanh thu và các dự án kinh doanh có thể làm lu mờ các phát minh trong nghiên cứu cơ bản. Cũng có lo ngại rằng các trường đại học có thể ưu tiên các hoạt động hướng đến lợi nhuận hơn tính chính trực học thuật, dẫn đến xung đột giữa lợi ích thương mại và theo đuổi học thuật. Ngoài ra, không phải tất cả các lĩnh vực học thuật đều phù hợp với mục tiêu khởi nghiệp, khiến việc tích hợp khuôn khổ khởi nghiệp vào các ngành học không định hướng kinh doanh trở nên khó khăn.

Mặc dù có những thách thức này, đại học khởi nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc nuôi dưỡng văn hóa ĐMST và phát triển kinh tế. Họ chuẩn bị cho người học khả năng sáng lập và lãnh đạo các công ty khởi nghiệp, tập đoàn đa quốc gia và các doanh nghiệp theo định hướng ĐMST, định vị người học như những người đóng góp chính cho quá trình phát triển kinh tế. Các tổ chức này có tiềm năng chuyển đổi nền kinh tế khu vực bằng cách thúc đẩy đầu tư, tạo việc làm và thương mại hóa các ý tưởng đột phá.

3.5. Đại học đổi mới sáng tạo: Thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội

Đại học ĐMST hướng đến phát triển các giải pháp, công nghệ và phương thức tiếp cận mới trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đồng thời hình thành môi trường nuôi dưỡng văn hóa sáng tạo và tư duy tiến bộ trong toàn bộ đội ngũ giảng viên và sinh viên [6, 7].

Đại học ĐMST tập trung vào giải quyết các thách thức xã hội thông qua nghiên cứu liên ngành và các giải pháp công nghệ tiên tiến. Mục tiêu của họ là thúc đẩy tiến bộ bằng cách phát triển các công nghệ, quy trình và phương pháp mới có tác động kinh tế và xã hội lâu dài. Khác với đại học khởi nghiệp, vốn nhấn mạnh vào việc tạo lập doanh nghiệp, đại học ĐMST ưu tiên các nghiên cứu dẫn đến những tiến bộ xã hội, như các giải pháp năng lượng bền vững, tiến bộ y học và phát triển trí tuệ nhân tạo,... [5].

Các trường đại học ĐMST tích cực khuyến khích hợp tác liên ngành, tập hợp các chuyên gia từ nhiều lĩnh vực để giải quyết các vấn đề phức tạp. Họ duy trì quan hệ đối tác mạnh mẽ với chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức nghiên cứu để tạo điều kiện chuyển giao tri thức và thực hiện các giải pháp ĐMST. Vai trò của họ vượt ra ngoài học thuật, định hình chính sách công và ảnh hưởng đến các sáng kiến phát triển toàn cầu.

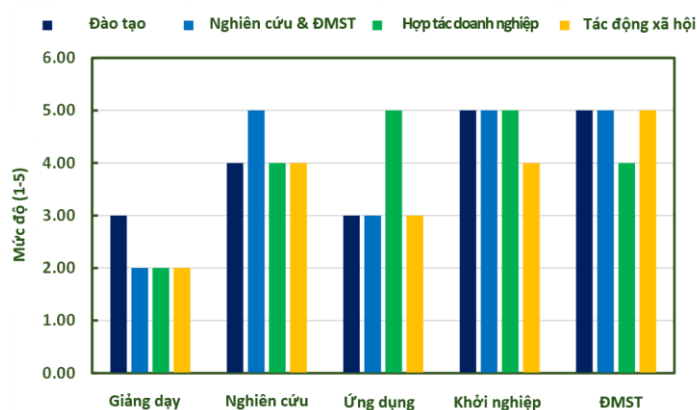
Tuy nhiên, đại học ĐMST đối mặt với những thách thức đáng kể liên quan đến tài trợ và tính bền vững tài chính. Nhiều dự án nghiên cứu của họ đòi hỏi đầu tư dài hạn, và kết quả của chúng có thể không mang lại khả năng thương mại hóa ngay lập tức. Sự phụ thuộc vào các nguồn tài trợ bên ngoài, bao gồm tài trợ từ chính phủ và quan

hệ đối tác với khu vực tư nhân, khiến sự ổn định tài chính trở thành mối quan tâm liên tục. Ngoài ra, khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến việc tạo việc làm và phát triển kinh doanh đôi khi bị hạn chế so với đại học khởi nghiệp.

Mặc dù có những thách thức này, đại học ĐMST vẫn đóng vai trò quan trọng đối với tiến bộ công nghệ và chuyển đổi xã hội. Những đóng góp của đại học cho y tế, môi trường bền vững và ĐMST kỹ thuật số có những ý nghĩa sâu rộng, định hình tương lai của các doanh nghiệp và nền kinh tế trên toàn thế giới. Đại học ĐMST đại diện cho cách tiếp cận giáo dục đại học hướng tới tương lai, nơi tạo ra tri thức được liên kết trực

tiếp với việc giải quyết những thách thức cấp bách nhất của nhân loại.

Biểu đồ so sánh các loại hình đại học khác nhau dựa trên các trọng tâm về đào tạo, nghiên cứu và ĐMST, hợp tác với doanh nghiệp và tác động xã hội được trình bày tại Hình 2. Theo đó, đại học định hướng giảng dạy tập trung vào giáo dục, cung cấp tri thức cơ bản và thực hành vững chắc nhưng hạn chế trong nghiên cứu và hợp tác với doanh nghiệp. Đại học nghiên cứu thúc đẩy ĐMST và tiến bộ khoa học nhưng vẫn ít tham gia vào tinh thần khởi nghiệp và hợp tác trực tiếp với doanh nghiệp.



Hình 2. Biểu đồ so sánh các loại hình đại học dựa trên trọng tâm giáo dục, nghiên cứu & ĐMST, hợp tác với doanh nghiệp và tác động xã hội. Nguồn: nhóm tác giả (có sự hỗ trợ của Chat GPT).

Đại học ứng dụng nổi bật trong quan hệ đối tác với doanh nghiệp và đào tạo nghề, đảm bảo sinh viên tốt nghiệp sẵn sàng cho công việc nhưng đóng góp ít hơn vào nghiên cứu cơ bản. Đại học khởi nghiệp nổi bật trong tăng trưởng kinh tế, hỗ trợ khởi nghiệp và hợp tác với doanh nghiệp, tuy nhiên có rủi ro ưu tiên thương mại hóa hơn tính chính trực học thuật. Đại học ĐMST có tác động xã hội cao nhất, giải quyết các thách thức toàn cầu thông qua tiến bộ công nghệ dài hạn, mặc dù họ phụ thuộc nhiều vào tài trợ bên ngoài và có thể thiếu lợi nhuận kinh tế ngay lập tức. Khi giáo dục đại học tiếp tục phát triển, các mô hình tích hợp nghiên cứu, tinh thần khởi nghiệp và hợp tác với doanh nghiệp ngày càng trở nên nổi bật.

4. Mô hình tích hợp (hybrid) giữa đại học khởi nghiệp và đại học đổi mới sáng tạo

4.1. Yêu cầu thích ứng

Các cơ sở giáo dục đại học đã phát triển theo thời gian theo nhiều mô hình khác nhau, mỗi mô hình đáp ứng các nhu cầu giáo dục và xã hội cụ thể. Đại học khởi nghiệp đã xuất hiện như một phản ứng với nhu cầu thị trường, thúc đẩy thương mại hóa tri thức và nuôi dưỡng khởi nghiệp. Mặc dù họ đóng góp vào phát triển kinh tế khu vực, việc nhấn mạnh vào các dự án kinh doanh và thương mại hóa có thể làm tổn hại đến tự do học thuật và làm giảm vai trò của các ngành có tiềm năng kinh tế thấp hơn, như nhân văn và khoa học cơ bản. Tương tự, đại học ĐMST nỗ

lực tạo ra các giải pháp liên ngành đối với các thách thức xã hội, nhưng họ thường thiếu cơ chế hiệu quả để thương mại hóa kết quả nghiên cứu của mình, khiến tính bền vững tài chính trở nên khó khăn.

Ngoài những thách thức này, các trường đại học phải tìm sự cân bằng giữa giáo dục tinh hoa và giáo dục đại chúng. Các đại học tinh hoa thúc đẩy nghiên cứu tiên tiến và định hình tư duy lãnh đạo toàn cầu, nhưng tính độc quyền của họ hạn chế tiếp cận rộng rãi hơn đến giáo dục chất lượng. Mặt khác, các tổ chức giáo dục đại chúng nhằm mục đích dân chủ hóa tri thức, tăng cường cơ hội tiếp cận nhưng có thể gặp khó khăn trong việc duy trì tiêu chuẩn học thuật cao. Ngoài ra, các trường đại học phải tìm sự cân bằng giữa việc dẫn đầu ĐMST và đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp. Nếu các trường đại học tập trung quá nhiều vào những tiến bộ đột phá, họ có thể mất liên hệ với nhu cầu lực lượng lao động. Ngược lại, nếu họ liên kết quá chặt chẽ với nhu cầu công nghiệp, họ có nguy cơ trở thành các trung tâm đào tạo nghề thay vì trung tâm của tiến bộ trí tuệ và công nghệ.

Trước những thách thức này, một mô hình đại học tích hợp là cần thiết để tích hợp điểm mạnh của các loại hình đại học khác nhau đồng thời giải quyết những hạn chế tương ứng của họ. Giáo dục đại học phải phát triển vượt ra ngoài các phân loại cứng nhắc để trở nên thích ứng hơn, liên ngành và đáp ứng với các chuyển đổi xã hội và kinh tế. Một mô hình tích hợp đảm bảo rằng các trường đại học không bị giới hạn trong một sứ mệnh duy nhất mà thay vào đó cân bằng giáo dục, nghiên cứu, tinh thần khởi nghiệp và hợp tác với doanh nghiệp.

Đại học tích hợp nhận ra rằng tập trung duy nhất vào giáo dục tinh hoa hoặc khả năng tiếp cận đại chúng là không bền vững. Thay vào đó, họ kết hợp các chương trình phân tầng đáp ứng nhu cầu đa dạng của sinh viên, cho phép cả nghiên cứu học thuật chuyên sâu và phát triển kỹ năng rộng rãi. Thông qua cách tiếp cận như vậy, các trường đại học có thể duy trì vị trí lãnh đạo học thuật toàn cầu đồng thời mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục chất lượng cho dân số rộng lớn hơn.

Các mô hình này cũng kết hợp truyền thụ tri thức cơ bản và ứng dụng, đảm bảo rằng sinh viên nhận được nền giáo dục toàn diện vừa nuôi dưỡng tư duy phản biện vừa cung cấp chuyên môn thực tế. Bằng cách tích hợp nghiên cứu với ứng dụng thực tế, đại học tích hợp thu hẹp khoảng cách giữa tạo ra tri thức và sẵn sàng cho lực lượng lao động. Cách tiếp cận này cho phép các trường đại học vẫn là trung tâm ĐMST đồng thời đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

Một đặc điểm chính khác của đại học tích hợp là khả năng cân bằng tài trợ công và tư. Việc chỉ dựa vào hỗ trợ của chính phủ không còn khả thi, nhưng thương mại hóa quá mức có thể làm tổn hại đến tính chính trực học thuật. Các mô hình tích hợp kết hợp các nguồn tài trợ đa dạng, bao gồm tài trợ nghiên cứu, quan hệ đối tác với doanh nghiệp, doanh thu học phí và các sáng kiến khởi nghiệp, đảm bảo tính bền vững tài chính mà không hy sinh độc lập học thuật.

Hợp tác liên ngành là một yếu tố xác định khác của đại học tích hợp. Cấu trúc đại học truyền thống thường tạo ra các khu vực biệt lập cản trở ĐMST liên ngành. Bằng cách khuyến khích quan hệ đối tác giữa khoa học, công nghệ, kinh doanh, nhân văn và khoa học xã hội, các mô hình tích hợp thúc đẩy các giải pháp toàn diện cho các thách thức toàn cầu phức tạp. Sự tích hợp này vượt ra ngoài học thuật, thu hút các bên liên quan từ doanh nghiệp, chính phủ và cộng đồng vào việc tạo ra và ứng dụng tri thức.

4.2. Các kiểu hình đại học tích hợp

Có nhiều biến thể của mô hình đại học tích hợp, mỗi mô hình được thiết kế để đáp ứng các nhu cầu giáo dục và kinh tế cụ thể. Một cách tiếp cận phổ biến là *đại học nghiên cứu - giảng dạy* kết hợp các hoạt động nghiên cứu chuyên sâu với giáo dục chất lượng cao. Các đại học này đảm bảo rằng giảng viên tích cực tham gia vào cả nghiên cứu và giảng dạy, tạo ra môi trường học tập nơi sinh viên được tiếp xúc với những tiến bộ mới nhất trong lĩnh vực của họ. Mô hình này nuôi dưỡng tư duy phản biện và ĐMST trong khi duy trì sự nghiêm túc học thuật cao.

Một biến thể khác là *đại học ứng dụng - nghiên cứu* tích hợp đào tạo nghề với khám phá

khoa học. Các tổ chức này phát triển hợp tác mạnh mẽ với doanh nghiệp trong khi vẫn cam kết tạo ra tri thức. Sinh viên tham gia vào cả học tập thực hành và giải quyết vấn đề dựa trên nghiên cứu, giúp họ thích ứng cao với nhu cầu thị trường đang phát triển. Loại đại học này đặc biệt phù hợp trong các lĩnh vực như kỹ thuật, y tế và công nghệ số, nơi cả tri thức và kỹ năng thực tế đều rất quan trọng.

Đại học khởi nghiệp - ĐMST kết hợp điểm mạnh của các mô hình khởi nghiệp và ĐMST, đảm bảo rằng nghiên cứu và sản xuất tri thức được thương mại hóa hiệu quả trong khi vẫn duy trì chiều sâu học thuật. Các đại học này hoạt động như vườn ươm cho các công ty khởi nghiệp và chuyển giao công nghệ đồng thời thúc đẩy nghiên cứu liên ngành nhằm giải quyết các thách thức xã hội. Bằng cách tích hợp hệ sinh thái ĐMST với sự nghiêm túc học thuật, họ trở thành động lực chính của sự phát triển kinh tế và xã hội.

Đại học truyền thống - kỹ thuật số tận dụng những tiến bộ trong giáo dục trực tuyến đồng thời bảo tồn lợi ích của học tập trực tiếp. Tính linh hoạt của giáo dục kỹ thuật số cho phép các đại học mở rộng phạm vi tiếp cận, cung cấp khả năng tiếp cận giáo dục chất lượng cao cho đối tượng toàn cầu. Đồng thời, việc duy trì khuôn viên vật lý đảm bảo rằng sinh viên vẫn được hưởng lợi từ sự hướng dẫn trực tiếp, trải nghiệm thực hành và cơ hội nghiên cứu. Mô hình này đặc biệt hữu ích trong việc đối phó với các gián đoạn toàn cầu, chẳng hạn như đại dịch, bằng cách đảm bảo tính liên tục trong giáo dục.

Cuối cùng, *đại học tinh hoa - đại chúng*, tìm cách cân bằng tiêu chuẩn học thuật cao với tính bao trùm. Bằng cách cung cấp các chương trình khác biệt, các đại học này có thể cung cấp các hướng nghiên cứu chuyên sâu cho sinh viên hàng đầu, đồng thời cung cấp các chương trình nghề nghiệp và hướng ngành cho một phạm vi sinh viên rộng lớn hơn. Mô hình này đảm bảo rằng các cơ sở giáo dục đại học vẫn đứng đầu trong sáng tạo tri thức đồng thời cũng thực hiện trách nhiệm giáo dục cho dân số sinh viên đa dạng và toàn cầu.

Khi bối cảnh toàn cầu của giáo dục đại học tiếp tục thay đổi, đại học tích hợp đại diện cho

tương lai của các tổ chức học thuật. Bằng cách tích hợp nhiều cách tiếp cận giáo dục, cân bằng giữa giáo dục tinh hoa và đại chúng, và thu hẹp khoảng cách giữa học thuật và công nghiệp, các đại học này sẵn sàng dẫn đầu kỷ nguyên tiếp theo của sáng tạo tri thức, ĐMST và chuyển đổi xã hội.

5. Khung lý thuyết các nguyên mẫu (archetypes) của đại học khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Việc phát triển mô hình đại học khởi nghiệp ĐMST trên thế giới không diễn ra theo một khuôn mẫu duy nhất mà hình thành nên nhiều nguyên mẫu khác nhau. Các nguyên mẫu này phản ánh những cách tiếp cận đặc thù của từng nhóm trường đại học trong việc thực hiện chức năng khởi nghiệp, ĐMST, chuyển giao tri thức và gắn kết với xã hội. Dựa trên hệ thống hóa từ các nghiên cứu quốc tế và phân tích nội dung của các mô hình đại học hiện nay, có thể xác định bảy nguyên mẫu cốt lõi sau đây, tạo thành cấu trúc lý thuyết cho việc lựa chọn mô hình phù hợp với Việt Nam (Bảng 2).

5.1. Đại học khởi nghiệp nghiên cứu (Research-preneurial University)

Đây là nguyên mẫu gắn với các đại học định hướng nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, đồng thời tích hợp mạnh mẽ hoạt động khoa học – công nghệ với hệ sinh thái khởi nghiệp. Đặc trưng của mô hình này là khả năng thu hút nguồn tài trợ lớn, xây dựng các chương trình nghiên cứu quy mô, hình thành các phòng thí nghiệm liên ngành và thúc đẩy các dự án khoa học có tiềm năng thương mại hóa. Các trường theo mô hình này thường đối mặt với thách thức về đầu tư, duy trì hạ tầng nghiên cứu và năng lực đội ngũ để bảo đảm tính cạnh tranh.

5.2. Đại học khởi nghiệp công nghệ (Techni-preneurial University)

Nguyên mẫu này nhấn mạnh vào liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp công nghệ và khu vực sản xuất, thúc đẩy đào tạo ứng dụng, nghiên cứu thực nghiệm và các dịch vụ kỹ thuật – tư vấn.

Các trường theo mô hình này đóng vai trò quan trọng trong chuyển giao công nghệ ở cấp địa phương và khu vực, đặc biệt trong các ngành kỹ thuật – công nghệ, chế tạo, tự động hóa hoặc vật

liệu. Đây là mô hình phù hợp với các đại học kỹ thuật đang mở rộng hoạt động ươm tạo, tư vấn và cung cấp dịch vụ R&D.

Bảng 2. Khung lý thuyết các nguyên mẫu của đại học khởi nghiệp ĐMST

Nguyên mẫu (Archetypes)	Đặc trưng
Research-preneurial	Đại học định hướng nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, gắn với hợp tác khoa học – công nghệ, nhận tài trợ công lớn. Thách thức về đầu tư.
Techni-preneurial	Hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp địa phương, đào tạo ứng dụng, cung cấp dịch vụ kỹ thuật – tư vấn.
Inno-preneurial	Linh hoạt, sáng tạo liên ngành , phát triển incubators, TTOs, spin-offs; đa dạng hóa nguồn thu. Tác động xã hội. Thách thức về tầm nhìn.
Commerce-preneurial	Tập trung mạnh vào khai thác tri thức , patent, licensing, venture funds (Entrepreneurial khung). Thách thức về tính hàn lâm.
Socio-preneurial	Đại học thúc đẩy khởi nghiệp xã hội , phục vụ cộng đồng, gắn kết với SDGs và phát triển bền vững.
Sustainable-preneurial	Nhấn mạnh vai trò của đại học trong kinh tế tuần hoàn, khởi nghiệp xanh, chuyển đổi bền vững.
Digital-preneurial	Khai thác công nghệ số, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong hệ sinh thái khởi nghiệp đại học.

5.3. Đại học khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Inno-preneurial University)

Đặc trưng nổi bật của mô hình này là tính linh hoạt và khả năng sáng tạo liên ngành, cùng với việc phát triển đa dạng các thực thể ĐMST như trung tâm ươm tạo, vườn ươm doanh nghiệp, TTOs, spin-off và spin-out. Đại học khởi nghiệp ĐMST chú trọng xây dựng môi trường học tập và nghiên cứu kích thích tư duy sáng tạo, đồng thời thúc đẩy tác động xã hội thông qua các giải pháp mới cho phát triển cộng đồng. Mô hình này mang tính mở và định hướng chiến lược rõ rệt, song thường gặp thách thức về xây dựng tầm nhìn và năng lực hệ thống.

5.4. Đại học khởi nghiệp thương mại hóa (Commerce-preneurial University)

Đây là mô hình nhấn mạnh mạnh mẽ vào khai thác tài sản trí tuệ, đặc biệt là thông qua patent, licensing, công ty spin-off, quỹ đầu tư mạo hiểm và các cơ chế thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Nguyên mẫu này tập trung vào tối ưu hóa giá trị kinh tế tạo ra từ tri thức và nghiên cứu, qua đó hình thành các chuỗi giá trị tri thức

trong trường đại học. Tuy nhiên, các trường theo mô hình này thường đối mặt với thách thức về tính hàn lâm, nhất là khi cân bằng giữa giá trị kinh tế và sứ mệnh khoa học.

5.5. Đại học khởi nghiệp xã hội (Socio-preneurial University)

Nguyên mẫu này hướng đến khởi nghiệp xã hội, gắn kết chặt chẽ với cộng đồng, giải quyết các vấn đề xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững. Các trường hướng theo mô hình này tích hợp SDGs vào đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng, đồng thời khuyến khích sinh viên và giảng viên tạo ra các giải pháp đổi mới cho các nhóm yếu thế, cộng đồng địa phương hoặc các vấn đề xã hội cấp bách. Mô hình này mở rộng phạm vi khởi nghiệp, không chỉ tạo giá trị kinh tế mà cả giá trị xã hội.

5.6. Đại học khởi nghiệp bền vững (Sustainable-preneurial University)

Mô hình này nhấn mạnh vai trò của đại học trong kinh tế tuần hoàn, khởi nghiệp xanh và chuyển đổi bền vững. Các trường theo nguyên

mẫu này tập trung vào nghiên cứu – đào tạo liên quan đến môi trường, năng lượng sạch, nông nghiệp bền vững, tài nguyên và khí hậu. Khởi nghiệp xanh và giải pháp tuần hoàn là nội dung trung tâm. Đây là mô hình gắn trực tiếp với các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc.

5.7. Đại học khởi nghiệp số (Digital-preneurial University)

Đặc trưng của mô hình này là việc khai thác công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số để phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đại học. Các trường ứng dụng giải pháp số trong quản trị, đào tạo, nghiên cứu và kết nối doanh nghiệp, đồng thời định hình các mô hình khởi nghiệp mới trong lĩnh vực công nghệ số. Đây là nguyên mẫu phản ánh sự trỗi dậy của đại học trong kỷ nguyên dữ liệu và chuyển đổi số toàn cầu.

Việc xây dựng khung lý thuyết bảy nguyên mẫu không chỉ giúp nhận diện sự đa dạng của các mô hình đại học khởi nghiệp – ĐMST trên thế giới mà còn tạo cơ sở để lựa chọn mô hình phù hợp nhất cho Việt Nam. Trong bối cảnh Việt Nam đang thúc đẩy khoa học – công nghệ, ĐMST và phát triển bền vững, việc gắn kết các nguyên mẫu này vào chính sách và chiến lược phát triển đại học là hết sức cần thiết.

6. Lựa chọn nguyên mẫu đại học khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho Việt Nam

Việc lựa chọn nguyên mẫu phù hợp cho Việt Nam cần dựa trên sự đối sánh giữa đặc trưng của từng mô hình và bối cảnh phát triển giáo dục đại học Việt Nam. Mặc dù mỗi nguyên mẫu trong bảy loại hình đã trình bày ở trên đều có giá trị nhất định và phản ánh một khía cạnh quan trọng của hệ sinh thái ĐMST, không phải mô hình nào cũng phù hợp để áp dụng làm định hướng chiến lược quốc gia. Dựa trên cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế và phân tích năng lực hiện tại của hệ thống đại học Việt Nam, có thể nhận thấy rằng nguyên mẫu Đại học khởi nghiệp ĐMST (Inno-preneurial University) là lựa chọn phù hợp và có

tính khả thi cao nhất. Lý do mô hình Đại học khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được lựa chọn như sau:

6.1. Phù hợp với xu hướng phát triển khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia

Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST Việt Nam đến năm 2030 xác định rõ vai trò trung tâm của đại học trong ĐMST. Nguyên mẫu Inno-preneurial, với đặc trưng linh hoạt, liên ngành, đa dạng hóa nguồn lực và thúc đẩy tác động xã hội, phù hợp trực tiếp với các định hướng của Đảng và Nhà nước về ĐMST, kinh tế số và phát triển bền vững (Nghị quyết 52-NQ/TW; Nghị quyết 57-NQ/TW).

6.2. Khả năng tích hợp đa chức năng của đại học trong bối cảnh Việt Nam

Không giống như một số mô hình đơn tuyến (như đại học nghiên cứu hoặc đại học thương mại hóa), nguyên mẫu Inno-preneurial cho phép: kết hợp đào tạo – nghiên cứu – chuyển giao – kết nối cộng đồng; triển khai cơ chế liên ngành, liên lĩnh vực trong đào tạo và nghiên cứu; thúc đẩy hình thành doanh nghiệp spin-off, startup, TTOs và các thực thể trung gian. Điểm mạnh này giúp mô hình đáp ứng đồng thời nhiều chức năng mà đại học Việt Nam đang được kỳ vọng, đặc biệt trong bối cảnh nguồn lực còn hạn chế nhưng nhu cầu xã hội rất đa dạng.

6.3. Cơ hội mở rộng tác động xã hội của đại học

Mô hình Inno-preneurial nhấn mạnh tác động xã hội (social impact) như một tiêu chí quan trọng của chức năng đại học. Điều này phù hợp với yêu cầu hiện nay của Việt Nam: phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường; hỗ trợ phát triển vùng sâu – vùng xa thông qua tri thức và công nghệ; xây dựng đại học trở thành trung tâm tri thức, ĐMST của địa phương. Do đó, mô hình này bảo đảm sự tương thích với định hướng “đại học phục vụ cộng đồng” trong chiến lược phát triển giáo dục đại học.

6.4. Khả năng tích hợp

Versity không tách riêng mà có thể tích hợp thuận lợi các yếu tố của: Đại học khởi nghiệp số

(Digital-preneurial), Đại học khởi nghiệp bền vững (Sustainable-preneurial), Đại học khởi nghiệp xã hội (Socio-preneurial). Mô hình này do đó phù hợp với chủ trương chuyển đổi số – ĐMST – phát triển bền vững đang được triển khai mạnh mẽ ở Việt Nam.

Những mô hình còn lại, mặc dù có giá trị tham khảo trong quá trình phát triển hệ sinh thái đại học khởi nghiệp, vẫn chưa phù hợp để lựa chọn làm định hướng chiến lược cho toàn hệ thống giáo dục đại học Việt Nam ở giai đoạn hiện nay. Trước hết, mô hình Đại học khởi nghiệp nghiên cứu (Research-preneurial) đòi hỏi nguồn lực tài chính, hạ tầng và nhân lực rất lớn, điều mà phần lớn các trường đại học Việt Nam hiện nay chưa có khả năng đáp ứng. Tiếp theo, mô hình Đại học khởi nghiệp công nghệ (Techni-preneurial) chỉ phù hợp với một số trường kỹ thuật có nền tảng mạnh như Đại học Bách khoa Hà Nội hay Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, nhưng chưa thể trở thành mô hình chung cho toàn hệ thống.

Tương tự, mô hình Đại học khởi nghiệp thương mại hóa (Commerce-preneurial), vốn nhấn mạnh doanh thu từ patent, licensing hay spin-off, gặp hạn chế lớn do khung pháp lý về sở hữu trí tuệ, cơ chế chuyển giao và thị trường công nghệ của Việt Nam vẫn chưa phát triển đầy đủ. Mô hình Đại học khởi nghiệp xã hội (Socio-preneurial) có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển cộng đồng và thúc đẩy các giá trị xã hội, nhưng lại không bao quát được đầy đủ sứ mệnh khoa học – công nghệ mà một hệ thống đại học quốc gia cần hướng đến.

Trong khi đó, mô hình Đại học khởi nghiệp bền vững (Sustainable-preneurial) có tiềm năng lớn trong dài hạn, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi xanh và kinh tế tuần hoàn, nhưng chưa thể giữ vai trò trọng tâm trong giai đoạn hiện nay khi nguồn lực và ưu tiên phát triển còn hạn chế. Cuối cùng, mô hình Đại học khởi nghiệp số (Digital-preneurial), dù phù hợp với xu thế chuyển đổi số và kinh tế số, lại mang tính chuyên biệt và không phản ánh toàn diện các chức năng ĐMST mà đại học Việt Nam đang được kỳ vọng thực hiện.

Trong thực tế, các đại học đẳng cấp thế giới và các đại học dẫn đầu của các quốc gia đều phải tích hợp cả hai chức năng ĐMST (dẫn dắt học thuật toàn cầu và phát triển bền vững quốc gia) và Khởi nghiệp (đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế). Sự phân biệt giữa đại học khởi nghiệp và đại học ĐMST là cần thiết, nhưng không loại trừ lẫn nhau. Một số trường đại học nổi bật trong việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu (mang tính khởi nghiệp), trong khi những trường khác dẫn đầu về khám phá khoa học và đột phá công nghệ (mang tính định hướng ĐMST). MIT, Stanford và Cambridge đều đại diện cho cả hai mô hình, nhưng cách tiếp cận, thể mạnh và tác động của họ có sự khác biệt. Dưới đây là phân tích mở rộng lý giải vì sao ba trường này đều hội tụ đặc điểm khởi nghiệp và ĐMST, tập trung vào tiến trình lịch sử, hệ sinh thái nghiên cứu, văn hóa khởi nghiệp và ảnh hưởng toàn cầu.

- MIT: Hình mẫu Đại học ĐMST dựa trên Khởi nghiệp

MIT xây dựng được một văn hóa khởi nghiệp mạnh mẽ, với hơn 30.000 doanh nghiệp đang hoạt động có nguồn gốc từ trường. Những doanh nghiệp này tạo ra doanh thu hàng năm lên tới 2 nghìn tỷ USD – tương đương GDP của Canada. Các công ty nổi bật như Dropbox, iRobot, Bose, Qualcomm và Akamai thể hiện ảnh hưởng khởi nghiệp của MIT. Văn phòng Cấp phép Công nghệ MIT (TLO) hỗ trợ đăng ký bằng sáng chế và hợp tác với doanh nghiệp. Trung tâm Deshpande tài trợ nghiên cứu để thương mại hóa, trong khi Trường Quản lý Sloan thúc đẩy khởi nghiệp thông qua các sáng kiến như MIT delta v Accelerator và Legatum Center. Về ĐMST, MIT đi đầu trong AI, robot, máy tính lượng tử và công nghệ sinh học. MIT Media Lab và Phòng thí nghiệm Khoa học Máy tính và Trí tuệ Nhân tạo (CSAIL) dẫn dắt nghiên cứu tiên tiến. MIT cũng nổi bật với nghiên cứu năng lượng như nhiệt hạch, pin mới và pin mặt trời perovskite. Phương pháp liên ngành của MIT giúp tích hợp kỹ thuật, sinh học và khoa học máy tính, củng cố vai trò như một trung tâm đổi mới công nghệ sâu.

- Stanford: Cái nôi của Thung lũng Silicon & Lãnh đạo ĐMST toàn cầu

Stanford đóng vai trò nền tảng trong việc hình thành Thung lũng Silicon. Từ những năm 1950, Frederick Terman – Trưởng khoa Kỹ thuật – đã khuyến khích sinh viên thành lập công ty, dẫn đến sự ra đời của HP, Sun Microsystems và Cisco. Ngày nay, hệ sinh thái khởi nghiệp của Stanford tiếp tục phát triển với Google, Yahoo, Tesla, LinkedIn, Instagram và Snapchat là những ví dụ nổi bật. Trường hỗ trợ doanh nhân thông qua STARTX – một vườn ươm phi lợi nhuận, và Văn phòng Cấp phép Công nghệ (OTL) giúp thương mại hóa nghiên cứu. Stanford duy trì mối liên hệ chặt chẽ với các quỹ đầu tư mạo hiểm như Sequoia Capital và Andreessen Horowitz. Về nghiên cứu, Stanford dẫn đầu trong học sâu (deep learning), kỹ thuật y sinh và công nghệ nano. Trường đóng vai trò tiên phong trong phát triển xe tự lái và chỉnh sửa gen với CRISPR. Stanford AI Lab và Viện AI lấy con người làm trung tâm có ảnh hưởng lớn đến chính sách AI toàn cầu. Nhờ kết hợp đổi mới và tinh thần khởi nghiệp mạnh mẽ, Stanford là nền tảng của hệ sinh thái startup công nghệ toàn cầu.

- Đại học Cambridge: Trung tâm ĐMST dựa trên Nghiên cứu

Cambridge từ lâu đã là trung tâm nghiên cứu khoa học và đổi mới. Cụm công nghệ Cambridge (Silicon Fen) là nơi có hơn 5.000 startup như ARM Holdings, DeepMind (Google mua lại), và Darktrace – với doanh thu hàng năm khoảng 20 tỷ USD. Cambridge Enterprise hỗ trợ startup của giảng viên và sinh viên thông qua vốn đầu tư mạo hiểm và cấp phép công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ sinh học và dược phẩm. Cambridge có 121 giải Nobel về vật lý, hóa học và y học. Thành tựu nổi bật bao gồm việc phát hiện cấu trúc ADN (Crick và Watson) và công trình về hố đen của Stephen Hawking. Trong lĩnh vực y sinh, trường hợp tác với các hãng như AstraZeneca, GlaxoSmithKline và Wellcome Trust. Khuôn viên Cambridge Biomedical Campus dẫn đầu về di truyền học, liệu pháp tế bào gốc và y học tái tạo. Trường cũng nổi bật trong AI và máy tính lượng tử, với các trung tâm

như Cambridge Quantum Computing và Trung tâm AI trong Y học.

7. Kết luận

Nghiên cứu này đã làm rõ sự chuyển dịch từ các mô hình đại học truyền thống sang các mô hình tích hợp và định hướng ĐMST, đồng thời hệ thống hóa bảy nguyên mẫu đại học khởi nghiệp ĐMST hiện đang được thừa nhận rộng rãi trên thế giới. Các nguyên mẫu này phản ánh mức độ đa dạng và linh hoạt cao của giáo dục đại học trong bối cảnh kinh tế tri thức, chuyển đổi số và phát triển bền vững.

Qua phân tích đối sánh, có thể thấy rằng không phải mô hình nào cũng phù hợp để áp dụng làm định hướng chiến lược cho Việt Nam. Những mô hình đòi hỏi nguồn lực lớn, quá chuyên biệt hoặc thiếu bao quát đều chưa khả thi ở thời điểm hiện tại. Trên nền tảng đó, nghiên cứu khẳng định rằng Đại học khởi nghiệp ĐMST (Inno-preneurial University) là mô hình phù hợp nhất, vì có khả năng tích hợp các đặc trưng liên ngành, ĐMST, tác động xã hội, số hóa và phát triển bền vững - những trụ cột đang được Việt Nam ưu tiên trong chiến lược khoa học - công nghệ và ĐMST.

Mô hình này cũng cho phép các trường đại học mở rộng vai trò trong hệ sinh thái ĐMST thông qua kết nối doanh nghiệp, địa phương, cộng đồng; phát triển năng lực nghiên cứu ứng dụng, thương mại hóa tri thức và hỗ trợ khởi nghiệp. Để hiện thực hóa mô hình, các trường đại học cần đổi mới hệ thống cần đổi mới mạnh mẽ về quản trị, cơ chế tài chính, cấu trúc tổ chức, phương thức đào tạo và văn hóa sáng tạo. Đồng thời, sự phối hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các thiết chế trung gian là điều kiện quyết định để mô hình được triển khai hiệu quả.

Tổng thể, nghiên cứu cho thấy mô hình Đại học khởi nghiệp ĐMST không chỉ phù hợp với điều kiện hiện nay, mà còn mở ra hướng phát triển chiến lược giúp đại học Việt Nam nâng cao đóng góp trong tăng trưởng kinh tế, chuyển đổi số, phát triển bền vững và hội nhập khoa học – công nghệ toàn cầu.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được Đại học Quốc gia Hà Nội tài trợ trong khuôn khổ Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ “Nghiên cứu mô hình đại học ĐMST của Đại học Quốc gia Hà Nội trong bối cảnh tự chủ” mã số QG.25.189.

Tài liệu tham khảo

- [1] A. R. Hofer, G. Kaffka, HEInnovate: Facilitating Change in Higher Education, Entrepreneurial Universities, Edward Elgar, 2018, pp. 135-152, <https://doi.org/10.4337/9781786432469.00011>.
- [2] A. A. Ghorbani, Z. Sohrabi, S. Yazdani, S. K. Azandehi, Towards the Third Generation Universities: The Core Innovative Function Approach, Med J Islam Repub Iran, Vol. 35, 2021, pp. 32, <https://doi.org/10.47176/mjiri.35.32>.
- [3] N. H. T. Chung, T. V. Hai, L. Q. Dat, N. H. Duc, Innovation Approaches in Vietnam and Thailand Higher Education Institutions, VNU J Sci Educ Res, Vol. 38, 2022, pp. 32-49, <https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4613>.
- [4] J. G. Wissema, Towards the Third Generation University: Managing the University in Transition, Edward Elgar, 2009, <https://doi.org/10.4337/9781848446182>.
- [5] F. V. Vught, Innovative Universities, Tert Educ Manag, Vol. 5, 1999, pp. 347-355, <https://doi.org/10.1080/13583883.1999.9966999>.
- [6] R. W. Hall, Creating the Innovative University, Technol Innov, Vol. 21, 2020, pp. 1-14, <https://doi.org/10.21300/21.4.2020.1>.
- [7] J. M. Monticelli, P. Fossatti, L. Q. da Silva, C. B. S. Luz, Innovative University: Evidence from University Management, Int J Educ Manag, Vol. 38, 2024, pp. 509-524, <https://doi.org/10.1108/IJEM-07-2022-0232>.
- [8] H. Etzkowitz, The Entrepreneurial University Wave: From Ivory Tower to Global Economic Engine, Ind High Educ, Vol. 28, 2014, pp. 223-232, <https://doi.org/10.5367/ihe.2014.0211>.
- [9] H. J. Etzkowitz, Innovation Lodestar: The Entrepreneurial University in a Stellar Knowledge Firmament, Technol Forecast Soc Change, Vol. 123, 2017, pp. 122-129, <https://doi.org/10.1016/j.techfore.2016.04.026>.
- [10] L. Markuerkiaga, N. Errasti, J. I. Igartua, Success Factors for Managing an Entrepreneurial University: Developing an Integrative Framework, Ind High Educ, Vol. 28, 2014, pp. 233-244, <https://doi.org/10.5367/ihe.2014.0214>.
- [11] A. Salamzadeh, H. K. Kesim, Y. Salamzadeh, Entrepreneurial Universities and Branding: A Conceptual Model Proposal, World Rev Sci Technol Sustain Dev, Vol. 12, 2016, pp. 300-315, <https://doi.org/10.1504/WRSTSD.2016.082188>.
- [12] D. Kock, W. Makumbe, Towards the Innovative University: What is the Role of Organisational Culture and Knowledge Sharing?, SA J. Hum. Resour. Manag, Vol. 18, 2020, pp. 11.
- [13] OECD, SME and Entrepreneurship Papers: Advancing the Entrepreneurial University, OECD Publishing, 2022.
- [14] M. Garus, M. Odlanicka-Poczobutt, Measuring the Entrepreneurial Level of a University Using the HEInnovate Tool: A Case Study, Sci Pap Silesian Univ Technol Organ Manag, Vol. 180, 2023.
- [15] R. Barnett, The Ecological University: A Feasible Utopia, Routledge, 2018, <https://doi.org/10.4324/9781315194899>.
- [16] J. P. Castro, L. Markuerkiaga, M. J. Bezanilla, An Analysis of the Entrepreneurial University in the Faculties of Education in Spain, Sustainability, Vol. 13, 2021, pp. 11768, <https://doi.org/10.3390/su132111768>.
- [17] M. A. Garanin, E. A. Krasnova, Management Model of Innovative University, Inst Sci Commun Conf, Springer, 2019, pp. 1463-1475, https://doi.org/10.1007/978-3-030-29586-8_168.
- [18] D. A. Shtykhno, L. V. Konstantinova, N. N. Gagiev, E. A. Smirnova, O. D. Nikonova, Transformation of University Models, High Educ Russ, Vol. 31, 2022, pp. 27-47, <https://doi.org/10.31992/0869-3617-2022-31-6-27-47>.
- [19] Z. Tao, Z. Ye, Modern University Teaching Meaningful Reconstruction: Combining Teaching with Research, Asian Soc Sci, Vol. 11, 2015, pp. 47-51, <https://doi.org/10.5539/ass.v11n3p47>.
- [20] P. G. Altbach, Advancing the National and Global Knowledge Economy, Stud High Educ, Vol. 38, 2013, pp. 316-330, <https://doi.org/10.1080/03075079.2013.773222>.
- [21] H. Garomssa, The Entrepreneurial University Concept as a Narrative of Change in HEIs, Stud High Educ, Vol. 50, 2025, pp. 365-386, <https://doi.org/10.1080/03075079.2024.2018365>.
- [22] J. A. Cunningham, M. Guerrero, D. Urbano, Entrepreneurial Universities-Overview, Reflections, and Future Research Agendas, The World Scientific Reference on Entrepreneurship: Volume 1: Entrepreneurial Universities-Technology and Knowledge Transfer, World Scientific, 2017, pp. 3-19, https://doi.org/10.1142/9789813220591_0001.